

Bản án số: 14 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 -2022

“V/v Ly hôn giữa bà T và ông L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

2. Ông **TỔNG VĂN TƯ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145 /2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **NGUYỄN VĂN L**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà và ông L xác lập quan hệ vợ chồng năm 1995 trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình, đăng ký kết hôn năm 1998. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu say xỉn về kể chuyện chửi mắng bà, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không sửa đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1 sinh ngày 12/12/1995 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 26/12/2002.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà T xin được ly hôn ông L. Con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn L. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T ngày 29/11/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Đối với ông Nguyễn Văn L dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông L tiến đến hôn nhân năm 1995 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 1998. Tuy nhiên, ông bà chung sống đến năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ khoảng năm 2019 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông L không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu say xỉn, bà T khuyên ngăn không được làm cho mâu thuẫn vợ chồng L trầm trọng. Đối với ông L trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không tham gia hòa giải, xét xử dù được Tòa án triệu tập. Từ đó cho thấy ông không thiết tha hàn gắn đoàn tụ cùng bà T, tình cảm vợ chồng ông bà đã thật sự đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà T được ly hôn với ông L là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1 sinh ngày 12/12/1995 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 26/12/2002 hiện đã thành niên và lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000725 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

